

Bản án số:14/2023/DS – ST
Ngày: 29-9-2023
“ V/v Tranh chấp HĐ vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Luật.

2. Bà Trần Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nguyễn Thành Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Định Quán tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 09 năm 2023 tại Hội trường xét xử A, Tòa án nhân dân huyện Định Quán xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2021/TLST – DS ngày 21 tháng 12 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:28/2023/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số:547/2023/QĐST –DS ngày 12 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ông **Phạm Phước L**, sinh năm: 1995

HKTT: số 195/N, ấp Phúc N, xã G, huyện T, Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: số 133/4E, ấp V, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông **Bùi Thanh V**, sinh năm 1977

Địa chỉ: số 185/A, tổ 7, ấp Tam Bung, xã P, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: 1/ Bà **Trần Thị M**, sinh năm: 1950

2/ Anh **Bùi Thanh T**, sinh năm 2003;

3/ Chị **Bùi Hoàng Y**, sinh năm: 2009

Đại diện theo pháp luật của chị Yến: Ông **Bùi Thanh V**, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: số 33, khu 4, ấp Chợ, xã Phú Túc, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai

(Ông L có đơn xét xử vắng mặt; ông V, anh Tân, chị Yến và bà Manh đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/10/2021, bản tự khai ngày 15/03/2022, biên bản ghi lời khai ngày 15/3/2022, biên bản kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ ngày 26/8/2023, biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 16/8/2023 trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phạm Phước L trình bày:

Do có quen biết ngoài xã hội nên ông L có cho bà Nguyễn Minh Tr (vợ của ông Bùi Thanh V) vay số tiền là 400.000.000 đồng với 04 lần như sau: Lần 1 vào sáng ngày 17/6/2019 vay số tiền 100.000.000 đồng (lãi suất 4,5%); Lần 2 vào chiều ngày 17/6/2019 vay số tiền 100.000.000 đồng (lãi suất 4,5%); Lần 3 vào ngày 03/6/2020 vay số tiền 100.000.000 đồng không tính lãi suất; Lần 4 vào ngày 08/6/2020 vay số tiền 100.000.000 đồng không tính lãi suất. Đối với 04 tờ giấy cho vay tiền gồm các ngày 17/6/2019 (01 tờ ghi buổi sáng, 01 tờ ghi buổi chiều nên mới có 02 giấy vay số tiền 100 triệu đồng cùng 01 ngày), giấy vay ngày 03/6/2020, ngày 08/6/2020 (tất cả số tiền vay gốc 400 triệu đồng đều là tiền riêng của ông L, hiện tại ông vẫn chưa có vợ con) , chữ viết điền vào các dấu chấm trong giấy vay là chữ viết của ông L, do ông L là người soạn sẵn, bà Nguyễn Minh Tr là người ký dưới dòng bên vay, ông L ký vào dưới dòng bên cho vay. Hai giấy vay ngày 17/6/2019 thì ghi lãi suất là 4,5% nhưng thực tế chưa trả bất kỳ tiền lãi nào, do bà Tr hứa trả lãi 1 lần. 02 giấy vay đề ngày 03/6/2020, ngày 08/6/2020 thì không ghi lãi suất, không ghi thời điểm thanh toán nợ lãi, gốc, phương thức thanh toán là do bà Tr hứa hẹn vài ngày sẽ trả gốc, chính vì vậy hai bên chỉ thỏa thuận miệng bên ngoài nên ông L mới bỏ trống phần nội dung này. Trước đây do ông làm bên cán bộ tín dụng của Ngân hàng Sacombank và đã giúp bà Tr làm hồ sơ vay vốn 02 lần, 01 lần vay 500 triệu, lần sau vay tiếp tăng số tiền lên là 1 tỷ đồng. Chính vì quen biết như vậy nên lúc ban đầu tháng 06/2019 khi cho vay số tiền 200 triệu mà bà Tr chưa trả được lãi thì 01 năm sau tháng 6 năm 2020 ông L lại cho vay tiếp số tiền là 200 triệu đồng là do bà Tr hứa hẹn sẽ trả lãi 01 lần, đồng thời số tiền vay 200 triệu đồng của năm 2020 thì bà Tr hứa hẹn chỉ vay vài ngày sẽ trả.

Tất cả những lần vay trên đều được thực hiện tại nhà bà Tr, không có ai chứng kiến, mục đích vay tiền để bà Tr làm vốn kinh doanh gạo, nông sản làm kinh tế gia đình, thời điểm đó chồng bà Tr là ông Bùi Thanh V làm thầu xây dựng . Bà Tr nói chỉ vài ngày trả nên các bên mới thống nhất không ghi thời hạn trả vào giấy cho vay tiền. Thời điểm cho vay 200 triệu đồng của tháng 6 năm 2019 đến thời điểm cho bà Tr vay 200 triệu đồng tháng 6 năm 2020 là cách nhau 1 năm, sau đó do bà Tr đi điều trị bệnh và đến tháng 3/2021 bà Tr chết. Tại các hồ sơ hợp đồng tín dụng tháng 10/2017 bà Tr vay tiền của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – chi nhánh Long Khánh – Phòng giao dịch Gia Kiệm thì bà Tr đều xác định là vay mục đích bổ sung vốn kinh doanh gạo, nông sản, phù hợp với các tài liệu năm 2018 thể hiện về giấy nhận nợ năm 2018, năm 2019 mà bà Tr và ông V ký với Phòng giao dịch Gia Kiệm đối với mức vay tăng lên, bổ sung kinh doanh chăn nuôi. Như vậy bà Tr vay tiền của ông mặc dù ông V không biết nhưng mục

đích vay bà Tr đều bổ sung vốn kinh doanh làm kinh tế gia đình.

Tuy có thỏa thuận mức lãi suất là 4,5% nhưng thực tế bà Tr chưa trả cho ông L được tiền lãi và gốc. Tháng 3/2021 khi bà Tr chết thì ông có yêu cầu ông V trả khoản nợ của bà Tr thì ông V có khất nợ là để gia đình thu xếp, tuy nhiên sau đó ông L tiếp tục đòi nợ thì ông V cứ khất lần. Sau này thấy ông V không có thiện chí trả nợ nên ông L mới tranh chấp khởi kiện đến Tòa án. Theo đơn khởi kiện ban đầu được thụ lý ngày 21/12/2021 thì ông L khởi kiện yêu cầu ông V, anh T, chị Y là người kế thừa quyền nghĩa vụ của bà Tr phải trả cho ông L số tiền là 400.000.000 đồng. Tuy nhiên tại bản trình bày ý kiến ngày 16/8/2023 ông L xác định không yêu cầu anh T, chị Y cùng trả với ông V mà chỉ yêu cầu ông V liên đới trả cho ông số tiền vay gốc còn nợ là 400.000.000 đồng đối với giao dịch vay tiền do bà Tr thực hiện khi còn sống vì đây là nợ chung của vợ chồng. Ông L không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền trên.

Đối với tài sản thừa đất số 03, tờ bản đồ số 07, diện tích 81,5m² là tài sản chung của ông V, bà Tr thì ngày 03/02/2021 bà Tr, ông V đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Linh Tr và bà Linh Tr đã đứng tên riêng là Nguyễn Linh Tr trên Tr 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất như trên, theo văn bản số 482 ngày 17/7/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Định Quán. Hiện nay bà Nguyễn Minh Tr, ông Bùi Thanh V không còn tài sản chung nào khác.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 06/5/2022 bị đơn ông Bùi Thanh V trình bày: ông và bà Nguyễn Minh Tr là vợ chồng, có đăng ký kết hôn ngày 06/06/2002 tại UBND xã Phú Túc, huyện Định Quán, sau đó ngày 17/3/2021 bà Tr chết do bị bệnh ung thư máu. Ông đã nhận được thông báo thụ lý vụ án số 147 ngày 21/12/2021, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu ông và các con có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho nguyên đơn số tiền vay là 400.000.000 đồng thì ông không đồng ý. Với lý do việc bà Tr mượn tiền của ai thì ông không biết và cũng không biết ông Phạm Phước L là ai. Đối với các giấy vay tiền giữa ông L và bà Tr thì ông không xác định được chữ ký chữ viết mang tên Tr có phải là chữ ký của bà Tr hay không. Ngoài ra ông không khai gì thêm.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 10/5/2023 của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị M trình bày: Bà là mẹ ruột của bà Nguyễn Minh Tr, bà Tr lấy ông Bùi Thanh V và vợ chồng sinh sống tại ấp Chợ, xã Phú Túc, huyện Định Quán, không ở chung với bà. Vợ chồng bà Tr có 02 con chung đang sinh sống chung với bà Mạnh từ nhỏ đến nay. Năm 2019, 2020 bà Tr vay tiền của ông Phạm Phước L như thế nào thì bà không biết, không nghe bà Tr đề cập đến. Khoảng thời gian vợ chồng sống chung thì ông V nhận thầu xây dựng nhà ở công trình nhỏ, bà Tr thì buôn bán nông sản (gạo, bắp, tiêu...). Thời điểm vay tiền năm 2019, 2020 vợ chồng bà Tr ông V vẫn sống chung và cùng làm công việc như trên. Hiện căn nhà mà 02 vợ chồng sinh sống tại khu 3, ấp Chợ, xã Phú Túc đã bán cho chị gái bà Tr tên Nguyễn Linh Tr. Sau khi bà Tr chết thì ông V bán nhà chuyển về ấp Tam Bung, xã Phú Cường, huyện Định Quán sinh sống cho đến nay. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Phước L thì không liên quan đến bà, vì việc

vay tiền trên bà không biết, không được hưởng lợi hay sử dụng gì đến khoản vay như trên. Hiện nay bà Tr đã chết thì tài sản cũng bán hết để trả nợ nên bà cùng không được chia gì. Hiện nay bà già yếu đi lại khó khăn nên bà xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Quá trình thụ lý vụ án đến nay Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng đúng theo quy định nhưng bị đơn ông Bùi Thanh V, anh Bùi Thanh T, chị Bùi Hoàng Y, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị M đều vắng mặt không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Biên bản xác minh ngày 16/8/2023, bản sao sổ hộ khẩu thể hiện ông V, anh Tân, chị Yến và bà Manh có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại địa phương. Tòa án đã mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải ngày 16/8/2023, tuy nhiên do ông V, anh T, chị Y và bà M đã được triệu tập họp lệ đến 02 lần nhưng không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải. Vì vậy Tòa án chỉ mở phiên họp công khai chứng cứ và thông báo kết quả phiên họp cho ông V, anh T, chị Y và bà M biết quy định tại khoản 3, Điều 210 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, thời hiệu khởi kiện, việc thu thập chứng cứ đúng quy định. Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tổng đạt niêm yết cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật, riêng bị đơn ông V, anh T, chị Y và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Manh chưa tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ: Điều 154, 429, 463, 464, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 26, 35, 39, 95, 146, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Phước L. Buộc ông Bùi Thanh V phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông Phạm Phước L số tiền vay gốc còn nợ là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng).

Về chi phí tố tụng: Kết quả giám định chứng minh yêu cầu của ông L là có căn cứ nên bị đơn ông Bùi Thanh V phải chịu chi phí giám định. Vì vậy, buộc ông V phải trả cho ông L số tiền chi phí giám định là 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Về án phí: Ông V phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Bùi Thanh V có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại: ấp Tam Bung, xã Phú Cường, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh

Đồng Nai quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của BLTTDS.

[2] Quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương sự:

Ngày 22/10/2021 Tòa án nhận trực tiếp đơn khởi kiện của ông L về việc yêu cầu ông V, anh T, chị Y phải trả số tiền vay gốc còn nợ là 400.000.000đ, ngày 21/12/2021 Tòa án thụ lý vụ án yêu cầu người thừa kế quyền nghĩa vụ gồm ông V, anh Tân, chị Yến trả lại toàn bộ khoản vay. Tuy nhiên ngày 16/8/2023 ông L có văn bản trình bày ý kiến ông chỉ yêu cầu ông Bùi Thanh V liên đới trả nợ số tiền vay đối với giao dịch do bà Tr thực hiện. Do đó xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS. Ông L khởi kiện nên ông là nguyên đơn, ông V là người bị kiện nên là bị đơn. Do trước đây ông L yêu cầu người kế thừa quyền nghĩa vụ của bà Tr là anh Tân, chị Yến phải cùng với ông V hoàn trả, đồng thời Tòa án có đưa bà Trần Thị M vào tham gia tố tụng nên xác định Anh T, chị Y và bà M là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 68 BLTTDS.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 17/6/2019 bà Tr có vay của ông L số tiền là 200.000.000đ, ngày 03/6/2020 vay tiếp số tiền 100.000.000 đồng, ngày 08/6/2020 vay tiếp số tiền 100.000.000 đồng. Trong hợp đồng không ghi thời điểm trả nhưng bà Tr hứa hẹn vài ngày sẽ trả gốc, chính vì vậy hai bên chỉ thỏa thuận miệng bên ngoài nên ông L mới bỏ trống phần nội dung này. Tuy nhiên sau khi bà Tr chết thì ông L đã đòi nhiều lần nhưng ông V không trả nên hai bên phát sinh tranh chấp. Theo quy định của pháp luật thì thời hiệu khởi kiện là 03 năm kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm. Như vậy ngày 22/10/2021 ông L đã khởi kiện tại Tòa án. Vì vậy thời hiệu khởi kiện vẫn còn quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án ông V, anh Tân, chị Yến và bà Manh đều vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, đối chất, mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa ông V, anh Tân, chị Yến và bà Manh đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Đồng thời bị đơn ông V cũng không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà M không có yêu cầu độc lập vắng mặt mà không có ai đại diện tham gia phiên tòa. Bên cạnh đó ông L có đơn xét xử vắng mặt đề ngày 16/8/2023 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự. Căn cứ quy định tại khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; Điều 238 BLTTDS.

Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện và tài liệu chứng cứ của nguyên đơn, cùng các tài liệu do Tòa án thu thập nhận thấy:

[5] Về hình thức của hợp đồng vay: Ông L và bà Nguyễn Minh Tr có lập văn bản thỏa thuận là giấy cho vay tiền đề ngày 17/6/2019, ngày 03/6/2020, ngày 08/6/2020, do ông L đánh máy sẵn, ghi nội dung vào những chỗ chấm và bà Tr ký vào dưới dòng bên vay, trong đó nội dung thể hiện cụ thể mượn tổng số tiền vay là 400.000.000đ.

[6] Về nội dung của hợp đồng vay: Ông L có cho bà Nguyễn Minh Tr vay tiền 04 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 17/06/2019 vay số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), thỏa thuận lãi suất là 4,5%.

Lần 2: Ngày 17/6/2029 vay số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), thỏa thuận lãi suất là 4,5%.

Lần 3: Ngày 03/6/2020 vay số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), không thỏa thuận lãi suất.

Lần 4: Ngày 08/6/2020 vay số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), không thỏa thuận lãi suất.

Tổng cộng 04 lần vay với số tiền là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng).

Đối với hợp đồng vay tiền như trên thì theo ông L trình bày thỏa thuận miệng bên ngoài là vay vài ngày trả nên mới bỏ trống không ghi thời hạn trả, lãi suất 4,5%/tháng, mục đích vay: bà Tr bổ sung vốn kinh doanh nông sản.

Qua các tài liệu đã thu thập thể hiện tại bản tự khai ngày 15/03/2022, biên bản ghi lời khai ngày 15/3/2022, biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ nguyên đơn ông L xác định chữ ký đối với giấy cho vay tiền đề ngày 17/6/2019, ngày 03/6/2020, ngày 08/6/2020, do bà Tr ký vào dưới dòng bên vay, còn ông L ký dưới dòng bên cho vay. Quá trình giải quyết vụ án do ông V cho rằng chữ ký trong các giấy cho vay tiền mà ông L cung cấp cho Tòa án thì ông không xác định được chữ ký chữ viết mang tên Tr có phải là chữ ký của bà Tr hay không. Khi vay bà Tr mượn tiền của ai thì ông không biết và cũng không biết ông Phạm Phước L là ai, do đó ông không đồng ý liên đới trả cho ông L số tiền là 400.000.000đ.

Vì vậy ông L đã cung cấp tài liệu là mẫu giám định gồm: Bản chính giấy cho vay tiền đề ngày 17/6/2019, ngày 03/6/2020, ngày 08/6/2020. Bên cạnh đó, Tòa án còn thu thập thêm các tài liệu thể hiện có chữ ký của bà Tr tại các tài liệu so sánh gồm: Bản chính hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Bùi Thanh V, bà Nguyễn Minh Tr và bà Nguyễn Linh Tr được Văn phòng công chứng Nguyễn Duy Tâm công chứng ngày 03/02/2021; 01 hợp đồng tín dụng số LD1730100059 ngày 30/10/2017; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất tài sản gắn liền với đất số 115-05658/TC ngày 30/10/2017 do Sacombank Phòng giao dịch Gia Kiệm cung cấp.

Ngày 16/8/2022 Tòa án đã ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 315/2022/QĐ-TCGD trưng cầu Phân viện khoa học hình sự -Bộ công an thực hiện giám định đối với các mẫu giám định.

Tại kết luận giám định số 5769/C09B ngày 06/12/2022 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh tại mục V đã kết luận về đối tượng giám định như sau:

Chữ viết dưới mục “ Bên B: (bên vay)” và chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Minh Tr dưới mục “Bên vay” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A4 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Minh Tr trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 là do cùng một người viết, ký ra.

Như vậy qua các tài liệu chứng cứ đã được phân tích như trên xác định việc bà Tr có vay tiền 04 lần của ông Phạm Phước L là đúng sự thật với số tiền là 400.000.000đ. Chữ ký dưới dòng bên vay trong giấy cho vay tiền đề ngày 17/6/2019, ngày 03/6/2020, ngày 08/6/2020 đúng là chữ ký của bà Tr, căn cứ vào

kết luận giám định số 5769/C09B ngày 06/12/2022 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh. Theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/06/2002 thể hiện ông Bùi Thanh V và bà Nguyễn Minh Tr đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Túc, huyện Định Quán. Tại các hợp đồng tín dụng ngày 30/10/2017 thể hiện ông V, bà Tr đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – chi nhánh Long Khánh- Phòng giao dịch Gia Kiệm để vay tiền, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh gạo nông sản với thời hạn vay là 01 năm, sau đó ngày 24/9/2018 trả và vay tiếp số tiền cao hơn. Phù hợp với các tài liệu thể hiện về giấy nhận nợ năm 2018, năm 2019 mà bà Tr và ông V ký với Phòng giao dịch Gia Kiệm đối với mức vay tăng lên bổ sung kinh doanh chăn nuôi. Tại biên bản xác minh ngày 10/5/2013, biên bản ghi lời khai của bà Trần Thị Manh (mẹ ruột của bà Tr) thể hiện thời gian năm 2019, 2020 ông V bà Tr vẫn sống chung với nhau, ông V làm thầu xây dựng, có khi làm thợ xây, còn bà Tr buôn bán nông sản như: Tiêu, cà phê, bắp,...tại nhà. Như vậy việc bà Tr vay tiền của ông L mục đích bổ sung vốn kinh doanh nông sản nhằm làm kinh tế gia đình, phù hợp với lời khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ đã thu thập. Việc ông V cho rằng không xác định được chữ ký của bà Tr và không biết bà Tr vay tiền của ai trong khi 02 vợ chồng sống chung và làm kinh tế gia đình chung là không có cơ sở xem xét. Vì vậy, ông V phải chịu trách nhiệm liên đới cùng trả nợ đối với giao dịch vay tiền do bà Tr thực hiện quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Tại Điều 91 BLTTDS về nghĩa vụ chứng minh quy định “*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó. Đương sự không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ*”. Chính vì vậy do bị đơn ông V không cung cấp chứng cứ chứng minh nên ông L khởi kiện yêu cầu ông V phải liên đới trả cho ông số tiền vay gốc là 400.000.000đ là có cơ sở pháp lý để chấp nhận. Ông L trình bày bà Tr từ khi vay chưa trả tiền lãi, đồng thời ông cũng không yêu cầu tính lãi suất. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông V không đến Tòa án trình bày ý kiến đưa ra yêu cầu về số tiền lãi, không chứng minh nghĩa vụ trả lãi. Chính vì vậy Tòa án không xem xét.

Ngày 17/3/2021 bà Tr chết, qua biên bản xác minh ngày 11/7/2023, ngày 16/8/2023 tại UBND xã Phú Túc, UBND xã Phú Cường và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Định Quán thể hiện ông V bà Tr hiện không còn tài sản chung hay riêng nào khác tại xã Phú Túc và xã Phú Cường, không có thông tin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai đang vận hành và sử dụng tại Văn phòng đăng ký. Chính vì vậy ông L có văn bản trình bày ý kiến ông chỉ yêu cầu ông V hoàn trả cho ông số tiền vay như trên, ông không yêu cầu anh Tân, chị Yến và bà Manh trả nợ. Xét đây là ý kiến tự nguyện của ông, phù hợp với quy định của pháp luật, không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu.

Từ những cơ sở nhận định như trên, buộc ông Bùi Thanh V phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông Phạm Phước L số tiền vay gốc còn nợ là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng).

[7] Về chi phí tố tụng: Ngày 21/6/2022 ông Phạm Phước L đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng giám định là 4.000.000đ, ngày 27/7/2023 Tòa án đã quyết toán số tiền chi giám định là 1.000.000đồng. Do ông L tự mình yêu cầu giám định chữ ký của bà Tr và kết quả giám định chứng minh yêu cầu của ông là có căn cứ nên bị

đơn ông V phải chịu chi phí giám định. Vì vậy, buộc ông V phải trả cho ông L số tiền chi phí giám định là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Quy định tại khoản 4, Điều 161 BLTTDS.

[8] Về án phí:

Ông Bùi Thanh V phải nộp 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.000.000đ theo biên lai số 0003351 ngày 21/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán.

[9] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán phù hợp với nhận định và quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 4, Điều 161; điểm khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; Điều 238; Điều 147; Điều 185; khoản 1, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 429, 357, 463, 464, 466, 468, 688 Bộ luật dân sự 2015. Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2012/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Phước L về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2/ Buộc ông Bùi Thanh V phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Phạm Phước L số tiền vay gốc còn nợ là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng).

3/ Về chi phí tố tụng: Buộc ông Bùi Thanh V phải trả cho ông Phạm Phước L số tiền chi phí giám định là 1.000.000đ (Một triệu đồng).

4/ Về án phí:

- Ông Bùi Thanh V phải nộp 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho ông Phạm Phước L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.000.000đ (Mười triệu đồng) theo biên lai số 0003351 ngày 21/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chưa thi hành thì còn phải chịu khoản lãi tương ứng với khoản tiền và thời gian chưa thi hành án xong theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Báo cho ông L, ông V (đồng thời đại diện hợp pháp cho chị Yên), anh Tân và bà Manh biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Định Quán;
- Chi cục THA Định Quán;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS – LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Lan